

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H
TỈNH HÀ GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2023/HNGĐ-ST
Ngày 21/6/2023
V/v: Xin ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Bình

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vũ Hùng Vương
2. Ông Phan Văn Chiêm

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa: Bà Mông Thu Hường - Thư ký Toà án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Phương Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2023 tại Toà án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 116/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2022 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2023/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Xuân H; địa chỉ: Ngõ 118, đường L, tổ 11, phường M, thành phố H, tỉnh Hà Giang, có mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị V; địa chỉ: SN 25, đường L, tổ 10, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Giang, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Về quan hệ hôn nhân:

Theo đơn xin ly hôn ngày 29/11/2022; bản tự khai ngày 12/12/2022 và quá trình giải quyết, nguyên đơn ông Trần Xuân H khai: Ông và bà Nguyễn Thị V kết hôn năm 1976 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị xã H (nay là thành phố H) trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống đến tháng 5 năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau không tìm được tiếng nói chung. Sau đó ông bà hòa giải nhưng đều không cải thiện được mâu thuẫn mặc dù ông đã nhiều lần xin lỗi để vợ chồng được

vui vẻ hạnh phúc nhưng không được bà Vy chấp nhận. Vợ chồng ông bà đã sống ly thân từ 2015, mỗi người ở một nơi, không quan tâm đến nhau. Nay ông xác định vợ chồng không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được, nên ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông ly hôn với bà V.

Theo nội dung bản tự khai ngày 27/02/2023 và quá trình giải quyết bị đơn bà Nguyễn Thị V khai: Bà Vy xác nhận thời gian, địa điểm kết hôn và mâu thuẫn vợ chồng như ông H khai là đúng, quá trình vợ chồng chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn và đã sống ly thân từ nhiều năm nay. Theo bà V, do ông bà tuổi đã cao, con cái đã trưởng thành, các cháu nội ngoại đã lớn, nên bà không muốn gia đình bị xáo trộn bà muốn giữ tình trạng cuộc sống gia đình như hiện tại. Hiện nay, bà và ông Hòa mỗi người ở một nhà, không ai vướng mắc gì. Do vậy, bà V không nhất trí ly hôn.

- Về con chung:

Ông H khai ông và bà Vy có 03 con chung, là anh Trần Xuân H sinh năm 1977, chị Trần Thu H sinh năm 1982. Anh Trần Mạnh H sinh năm 1979 (đã chết năm 2010). Anh H và chị H đã trưởng thành và có gia đình riêng, nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bà V xác nhận bà và ông Hòa có 03 con chung như ông H khai là đúng. các con đều đã trưởng thành không đề nghị giải quyết.

- Tài sản chung, công nợ chung: Ông H và bà V không nghị giải quyết.

Quá trình Tòa án giải quyết: Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng các bên không thống nhất được nội dung giải quyết vụ án.

* Tại phiên tòa: Ông H giữ nguyên quan điểm về việc ly hôn; con chung; tài sản chung, công nợ chung không đề nghị Tòa án giải quyết. Bà V có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

* Quan điểm của Đại diện VKS thành phố H, tỉnh Hà Giang:

- Việc tuân theo pháp luật của thẩm phán: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Xác minh thu thập chứng cứ đầy đủ, thông báo cho Viện Kiểm sát về việc Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử, ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn, cấp tổng đạt văn bản tố tụng đúng quy định.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa thực hiện đúng pháp luật, thủ tục bắt đầu phiên tòa được Thẩm phán thực hiện đúng quy định tại Điều 239 BLTTDS.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng, các tài liệu do đương sự cung cấp phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 Bộ Luật tố tụng dân sự;

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ vào các khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 51, Điều 53 và Điều 56, Điều 57 của Luật HN&GD, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội Nghị quyết về án phí lệ phí Tòa án;

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ông Trần Xuân H được ly hôn với bà Nguyễn Thị V.

+ Về con chung: Các con đã trưởng thành nên không đề nghị giải quyết.

+ Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu giải quyết

+ Về án phí: Ông Trần Xuân H phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Nguyễn Thị V có địa chỉ: SN 25, đường L, tổ 10, phường Trần Phú, TP. Hà Giang, tỉnh Hà Giang theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân TP. H, tỉnh Hà Giang.

[2]. Bị đơn bà Nguyễn Thị V có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[3]. Về xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án: Đây là vụ án hôn nhân gia đình các đương sự yêu cầu giải quyết về Ly hôn. Như vậy, đủ căn cứ xác định quan hệ tranh chấp là Ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và các Điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4]. Về nội dung vụ án: Ông Trần Xuân H và bà Nguyễn Thị V khai đã đăng ký kết hôn năm 1976 tại Công an thị xã H (nay là thành phố H), tỉnh Hà Giang do tự nguyện. Do thời gian đã lâu và quá trình quản lý giấy tờ của gia đình không bảo đảm nên đã bị mất giấy đăng ký kết hôn. Theo công văn số 143/PTP-HT ngày 19/6/2023 của phòng Tư pháp thành phố H xác nhận sổ gốc đăng ký kết hôn năm 1976 hiện không lưu trữ tại phòng Tư pháp, nên không cấp được bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kết hoặc xác nhận việc đã đăng ký kết hôn cho ông H và bà V được. Tuy nhiên căn cứ vào các chứng cứ khác là sổ hộ khẩu gia đình và theo hướng dẫn tại điểm a mục 3 Nghị quyết số 35/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 Hướng dẫn thi hành Luật hôn nhân và gia đình thì hôn nhân giữa ông H và bà V là hợp pháp.

[5]. Lý do ông H xin ly hôn: Ông H trình bày quá trình chung sống vợ chồng không có hạnh phúc, xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau không tìm được tiếng nói chung. Do không còn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên ông H xin được ly hôn với bà V.

[6]. Xét thấy, yêu cầu xin ly hôn của ông Trần Xuân H là phù hợp bởi lẽ: Quá trình chung sống ông H và bà V không có hạnh phúc. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, việc đó làm cho tình cảm vợ chồng của ông, bà bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Bà V không nhất trí ly hôn với lý do vì ông bà tuổi tác đã cao, con cái đã trưởng thành, bà muốn giữ gìn gia đình, nhưng hiện tại ông H và bà V đã sống ly thân, mỗi người sống một nhà từ năm 2015, không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Vì vậy, ông bà không có điều kiện khắc phục mâu thuẫn, cải thiện tình cảm vợ chồng. Theo quy định tại Điều 19 - Luật Hôn nhân và Gia đình có quy định “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình...”, nhưng quan hệ hôn nhân của hai ông bà không đáp ứng được theo quy định của pháp luật, vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng. Căn cứ vào giấy xác nhận tình trạng chung sống của vợ chồng ngày 7/5/2022 và biên bản làm việc ngày 10/5/2023 tại cơ quan Quản lý Nhà nước về gia đình và trẻ em xác định được đã nhiều năm ông H bà V không sống chung, mỗi người ở một nhà không có điều kiện khắc phục mâu thuẫn, cải thiện tình cảm vợ chồng, nếu cứ tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân thì cuộc sống của ông bà cũng không có hạnh phúc, mục đích cuộc hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của ông H là phù hợp với quy định tại điều 56 - Luật HN&GD, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông H đối với bà V.

[7]. Về con chung: Ông H và bà V cùng xác nhận có 03 con chung là anh Trần Xuân H sinh năm 1977, chị Trần Thu H sinh năm 1982. Anh Trần Mạnh H sinh năm 1979 (đã chết năm 2010). Anh H và chị H đã trưởng thành và có gia đình riêng, nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

[8]. Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

[9]. Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 BLTTDS, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết về án phí lệ phí Tòa án, ông H phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và Gia đình;
 - Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 207; khoản 1 Điều 227; khoản 4 Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí lệ phí Tòa án,
1. Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Trần Xuân H về việc xin ly hôn.
 2. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ông Trần Xuân H được ly hôn bà Nguyễn Thị V.

3. Về con chung: Anh Trần Xuân H sinh năm 1977, chị Trần Thu H sinh năm 1982. Anh Trần Mạnh H sinh năm 1979 (đã chết năm 2010). Anh H và chị H đã trưởng thành, không đề nghị giải quyết.

4. Tài sản chung, công nợ chung: Không đề nghị giải quyết.

5. Về Án phí: Ông Trần Xuân H phải chịu toàn bộ án phí sơ thẩm ly hôn 300.000đ được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí ông H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Hà Giang biên lai số 0000822 ngày 09 tháng 12 năm 2022.

Án xử công khai sơ thẩm báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật..

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Hà Giang;
- VKSND TP. Hà Giang;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS TP. Hà Giang;
- UBND TP. H, tỉnh Hà Giang;
- Lưu HS;
- Lưu bộ phận.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Lê Thị Thanh Bình